

GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH LÚA BẮC THƠM SỐ 7 QUY MÔ HỘ GIA ĐÌNH TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN LÝ NHÂN TỈNH HÀ NAM

Nguyễn Thị Nguyệt

Huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam

TÓM TẮT

Nghiên cứu này được thực hiện trên cơ sở khảo sát, phỏng vấn 120 hộ gia đình trồng lúa Bắc thơm số 7 trên địa bàn huyện Lý Nhân tỉnh Hà Nam. Kết quả nghiên cứu cho thấy cây lúa Bắc thơm số 7 tỏ ra có hiệu quả và đem lại thu nhập khá cao cho các nông hộ, kết quả phân tích trên mô hình hồi quy Coob Douglas cho thấy có 4 yếu tố ảnh hưởng tới hiệu quả sản xuất kinh doanh lúa bắc thơm số 7 quy mô hộ gia đình gồm: Diện tích canh tác lúa của hộ; Chi phí phân bón; Chi phí thuốc bảo vệ thực vật; và Số công lao động sử dụng trong canh tác lúa. Trên cơ sở kết quả phân tích, nghiên cứu đã đề xuất các giải pháp chủ yếu nhằm góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh lúa Bắc thơm số 7 quy mô hộ gia đình trên địa bàn nghiên cứu.

Từ khóa: Hiệu quả sản xuất kinh doanh, huyện Lý Nhân, lúa Bắc thơm số 7.

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Lúa gạo là lương thực chủ yếu và có ý nghĩa hết sức quan trọng ở nước ta. Bảo đảm an ninh lương thực luôn là vấn đề thời sự, vừa cấp bách vừa mang tính chiến lược lâu dài, không chỉ thuần túy là vấn đề kinh tế mà còn góp phần tích cực vào ổn định chính trị xã hội ở nước ta nói riêng và toàn thế giới nói chung. Trong bối cảnh kinh tế mới, việc tổ chức sản xuất lúa gạo ở nước ta cần hướng tới đáp ứng nhu cầu thị trường và đảm bảo hiệu quả, thu nhập cho người sản xuất.

Lý Nhân là một huyện của tỉnh Hà Nam, bao gồm 22 xã và 1 thị trấn, hầu hết nông dân sống dựa vào nông nghiệp. Đây là huyện trọng điểm về sản xuất nông nghiệp, có nhiều tiềm năng, thế mạnh và truyền thống sản xuất lúa của tỉnh.

Là vùng trọng điểm sản xuất lúa gạo của tỉnh Hà Nam, huyện Lý Nhân đã tìm tòi đưa vào sản xuất nhiều giống lúa mới cho năng suất cao, chất lượng tốt, trong đó có giống lúa Bắc thơm số 7.

Lúa Bắc thơm số 7 là một giống lúa được Học viện Nông nghiệp Việt Nam nghiên cứu phát triển với tính ưu việt là kháng bệnh, năng suất ổn định, chất lượng gạo cao và tỏ ra rất

phù hợp với điều kiện ruộng đất của huyện Lý Nhân. Những nỗ lực đưa giống lúa này vào sản xuất của huyện đã giúp nông dân tăng thêm thu nhập, cải thiện đời sống; góp phần tăng lượng nông sản hàng hoá xuất khẩu có giá trị thương phẩm cao cho đất nước.

Tuy nhiên, vấn đề sản xuất kinh doanh lúa Bắc thơm số 7 ở một huyện thuần nông như huyện Lý Nhân đang đứng trước rất nhiều thách thức như: quy mô diện tích đất lúa hạn hẹp, đầu tư cho nông nghiệp thấp, tổ chức sản xuất chưa phù hợp, thị trường chưa ổn định... Việc tìm ra các giải pháp thiết thực nhằm phát huy các yếu tố tích cực, hạn chế các yếu tố tiêu cực để nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh lúa Bắc thơm số 7 quy mô hộ gia đình trên địa bàn huyện Lý Nhân là hết sức cần thiết.

II. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Nội dung nghiên cứu

Nghiên cứu này tập trung giải quyết các nội dung chính sau đây: Thực trạng kết quả và hiệu quả sản xuất kinh doanh lúa Bắc thơm số 7 quy mô hộ gia đình tại huyện Lý Nhân; Các yếu tố ảnh hưởng tới hiệu quả sản xuất kinh doanh lúa Bắc thơm số 7 các giải pháp nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh lúa Bắc thơm số 7 quy mô hộ gia đình trên địa bàn huyện Lý Nhân, tỉnh

Hà Nam.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

2.2.1. Phương pháp chọn điểm nghiên cứu, khảo sát

Nghiên cứu này chọn 3 xã đại diện cho các vùng có điều kiện khác nhau cho sản xuất lúa Bắc thom số 7 là xã Văn Lý, xã Đồng Lý và xã Hòa Hậu.

Trên mỗi xã chọn 40 hộ gia đình có sản xuất giống lúa Bắc thom số 7 để điều tra khảo sát và phỏng vấn, tổng cộng có 120 hộ gia đình được phỏng vấn. Các hộ được chọn phỏng vấn theo phương pháp ngẫu nhiên thuận tiện.

2.2.2. Phương pháp thu thập thông tin, số liệu

Các thông tin thứ cấp được tổng hợp từ các báo cáo và dữ liệu từ các nguồn: Cục Thống kê tỉnh Hà Nam, Chi cục Thống kê huyện Lý Nhân, Phòng Nông nghiệp huyện Lý Nhân; UBND các xã trên địa bàn nghiên cứu; các sách, báo, tạp chí, báo chuyên ngành...

Các thông tin sơ cấp được thực hiện thông qua việc phỏng vấn 120 hộ gia đình có sản xuất lúa Bắc thom số 7 trên địa bàn các xã được chọn nghiên cứu điển hình. Việc điều tra thu thập số liệu được thực hiện bằng phiếu phỏng vấn chuẩn bị sẵn. Nội dung phỏng vấn tập trung vào việc làm rõ điều kiện sản xuất, tiêu thụ, chi phí, thu nhập, các khó khăn và đề xuất của hộ trong sản xuất kinh doanh lúa Bắc thom số 7.

2.2.3. Phương pháp xử lý và phân tích thông tin, số liệu

Số liệu, thông tin được xử lý trên cơ sở áp dụng pháp phân tổ thống kê. Các tính toán được thực hiện trên các phần mềm Excel và SPSS.

Để phân tích số liệu, nghiên cứu sử dụng các phương pháp chính sau đây: *Phương pháp thống kê mô tả; Phương pháp thống kê so sánh và áp dụng mô hình phân tích định lượng Cobb Douglass.*

Mô hình hàm Cobb Douglas được sử dụng để phân tích các yếu tố ảnh hưởng và ước lượng mức độ ảnh hưởng của các nhân tố đến với hiệu quả sản xuất kinh doanh lúa Bắc thom số 7 của các nông hộ trên địa bàn huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam dựa trên số liệu thu thập qua điều tra thực tế.

Có 8 biến độc lập được đưa vào mô hình thể hiện các yếu tố đầu vào được sử dụng cho sản xuất lúa Bắc thom số 7 của các hộ điều tra, biến phụ thuộc là thu nhập hỗn hợp đạt được trên 1 ha lúa Bắc thom số 7 của hộ.

Mô hình được thiết lập sau khi logarit hai vế như sau:

$$\text{Ln}Y = \beta_0 + \beta_1\text{Ln}X_1 + \beta_2\text{Ln}X_2 + \beta_3\text{Ln}X_3 + \beta_4\text{Ln}X_4 + \beta_5\text{Ln}X_5 + \beta_6\text{Ln}X_6 + \beta_7\text{Ln}X_7 + \beta_8\text{Ln}X_8.$$

Trong đó:

- Y: Thu nhập hỗn hợp trên 1 ha lúa Bắc thom số 7 của hộ (1000 đ/ha);
- X1: Kinh nghiệm trồng lúa của chủ hộ (năm);
- X2: Trình độ học vấn của chủ hộ (cấp);
- X3: Diện tích canh tác lúa Bắc thom số 7 của hộ (ha);
- X4: Chi phí cơ giới hóa cho 1 ha lúa Bắc thom số 7 của hộ (1000 đồng/ha);
- X5: Chi phí giống lúa Bắc thom số 7 cho 1 ha của hộ (1000 đồng/ha);
- X6: Chi phí phân bón cho 1 ha lúa Bắc thom số 7 của hộ (1000 đồng/ha);
- X7: Chi phí thuốc BVTV cho 1 ha lúa Bắc thom số 7 của hộ (1000 đ/ha);
- X8: Số công LĐ sử dụng cho 1 ha lúa Bắc thom số 7 của hộ (công/ha).

III. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

3.1. Thực trạng sản xuất kinh doanh lúa Bắc thom số 7 quy mô hộ gia đình trên địa bàn huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam

Diễn biến diện tích, năng suất, sản lượng lúa Bắc thom số 7 trên địa bàn huyện Lý Nhân trong 3 năm gần đây được nêu trên bảng 01.

Bảng 01. Diện tích, năng suất và sản lượng lúa Bắc thơm số 7 của huyện Lý Nhân

Số TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016	Tốc độ PTBQ (%)
1	Diện tích	ha	2149,1	1904,7	2170,7	100,50
2	Năng suất	tạ/ha	50,5	51,1	51,4	100,89
3	Sản lượng	tấn	10.852,9	9.733,1	11.157,4	101,39

(Nguồn: Phòng Nông nghiệp huyện Lý Nhân, 2017)

Bảng 01 cho thấy: Diện tích, năng suất và sản lượng lúa Bắc thơm số 7 của huyện Lý Nhân về cơ bản là ổn định. Trong năm 2014, diện tích sản xuất lúa Bắc thơm số 7 là 2.149,1 ha, đến năm 2016, diện tích này là 2.170,7 ha, tăng bình quân 0,5% mỗi năm.

Năng suất lúa Bắc thơm số 7 cũng tương đối ổn định và có xu hướng tăng nhẹ ở mức 0,98% hàng năm. Năng suất trung bình năm

2014 là 5,05 tấn/ha, đến năm 2016 năng suất trung bình đạt 5,14 tấn/ha.

Nhờ có sự gia tăng diện tích và năng suất nên sản lượng lúa Bắc thơm của huyện cũng tăng từ 10.852,9 tấn năm 2014 lên mức 11.157,4 tấn năm 2016, với tốc độ tăng bình quân ở mức 1,39% mỗi năm.

Các khoản mục chi phí trung gian trên 1 ha lúa Bắc thơm số 7 của vụ mùa năm 2017 của các hộ điều tra được tổng hợp trên bảng 02.

Bảng 02. Chi phí trung gian trong sản xuất lúa Bắc thơm số 7 của các hộ điều tra

Đơn vị tính: đồng/ha

TT	Loại chi phí	Trị số lớn nhất	Trị số nhỏ nhất	Trị số bình quân	Tỷ lệ (%)
1	Chi phí giống	1.388.889	1.305.031	1.383.798	8,97
2	Chi phí phân bón	6.222.038	500.463	5.029.975	32,61
3	Chi phí thuốc BVTV	2.083.333	1.378.378	1.847.077	11,98
4	Chi phí cơ giới hóa	8.193.277	0	2.195.790	14,24
5	Chi phí thuê lao động	5.555.556	0	2.571.868	16,67
6	Chi phí khác	7.566.910	569.030	2.395.430	15,53
Cộng chi phí				15.423.941	100,00

Nguồn: Tổng hợp từ kết quả điều tra của tác giả

Qua số liệu tổng hợp về chi phí trung gian cho 1 ha lúa Bắc thơm số 7 trên bảng 02 cho thấy:

Chi phí trung gian bình quân mỗi ha là 15.423.921 đồng bao gồm: chi phí giống chiếm 8,97%, chi phí phân bón chiếm 32,62%; chi phí thuốc BVTV chiếm 11,98%; chi phí cơ giới hóa chiếm 14,24%, chi phí thuê lao động

chiếm 16,67% và các chi phí khác chiếm 15,53%.

Các chỉ tiêu về kết quả và hiệu quả sản xuất lúa Bắc thơm số 7 của các hộ điều tra tính cho 1 ha được tổng hợp trên bảng 03.

Kết quả số liệu bảng 03 cho thấy, mỗi ha lúa Bắc thơm của hộ gia đình đạt giá trị sản xuất bình quân là 46.660.891 đồng, với mức

Kinh tế & Chính sách

chi phí trung gian là 15.423.941 đ/ha, thu nhập hỗn hợp bình quân của hộ nông dân trồng lúa bắc thơm số 7 là 31.236.950 đồng/ha, tương đương 1.156.880 đồng/sào Bắc bộ trong 1 vụ.

Xét về các chỉ tiêu hiệu quả cho thấy:

- Chỉ tiêu GTSX/CPTG = 3,03 cho thấy cứ

bỏ ra 1 đồng cho chi phí trung gian sẽ thu được 3,03 đồng doanh thu bán lúa.

- Chỉ tiêu THHH/CPTG = 2,03 cho thấy cứ bỏ ra 1 đồng cho chi phí trung gian sẽ thu được 2,03 đồng thu nhập hỗn hợp.

Bảng 03. Hiệu quả kinh tế trong sản xuất lúa Bắc thơm số 7 của hộ điều tra

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Số lượng
1	Giá trị sản xuất (GTSX)	đ/ha	46.660.891
2	Chi phí trung gian (CPTG)	đ/ha	15.423.941
3	Thu nhập hỗn hợp (TNHH)	đ/ha	31.236.950
4	Chỉ tiêu đánh giá hiệu quả kinh tế		
	GTSX/CPTG	lần	3,03
	TNHH/CPTG	lần	2,03

Nguồn: Tính toán từ kết quả khảo sát của tác giả

Tổng hợp những ý kiến của các hộ được phỏng vấn về những khó khăn của họ trong sản

xuất kinh doanh lúa Bắc thơm số 7 hiện nay là được nêu trên bảng 04.

Bảng 04. Tổng hợp các khó khăn của hộ điều tra trong sản xuất lúa Bắc thơm số 7

TT	Những khó khăn của hộ	ĐVT	Số lượng	Tỷ lệ %
1	Số hộ điều tra	Hộ	120	100
2	Diện tích ruộng hạn hẹp	Ý kiến	85	70,83
3	Chi phí vật tư đầu vào cao	Ý kiến	115	95,83
4	Thiếu nhân công	Ý kiến	77	64,17
5	Thiếu kiến thức kỹ thuật	Ý kiến	51	42,50
6	Thiếu vốn đầu tư	Ý kiến	91	75,83
7	Khó khăn về tiêu thụ sản phẩm	Ý kiến	89	74,17
8	Chi phí thuê máy cao	Ý kiến	47	39,17
9	Khâu sơ chế bảo quản khó khăn	Ý kiến	105	87,50
10	Khó khăn khi hợp tác với hộ khác	Ý kiến	76	63,33

Nguồn: Tổng hợp từ kết quả điều tra hộ

Qua bảng 04 có thể thấy những khó khăn được nhiều hộ đề cập nhất trong sản xuất lúa Bắc thơm số 7 là: Chi phí vật tư đầu vào cao (95,83%); Khó khăn trong khâu sơ chế, bảo quản thóc (87,50%); Thiếu vốn cho sản xuất (75,83%); Khó khăn về tiêu thụ sản phẩm (74,17%). Bên cạnh đó những khó khăn gặp phải ở các hộ còn là: thiếu nhân công, diện tích

đất nhỏ hẹp gây khó khăn cho việc cơ giới hoá, khó khăn khi hợp tác với các hộ khác trong hoạt động sản xuất...

Đây là những vấn đề cần quan tâm tháo gỡ để giúp các hộ từng bước nâng cao hiệu quả sản xuất lúa Bắc thơm số 7 trên địa bàn nghiên cứu.

3.2. Các yếu tố ảnh hưởng tới hiệu quả sản xuất lúa Bắc thơm số 7

Kết quả chạy mô hình hồi quy Coob -

Douglas cho bộ số liệu phỏng vấn 120 hộ gia đình sản xuất lúa Bắc thơm số 7 được tóm tắt trên bảng 05.

Bảng 05. Kết quả xác định các hệ số hồi quy (Coefficients)

Model	B	Beta	t	Sig.	VIF
(Constant)	28,833		13,67	,000	
LNX1	,036	,085	1,555	,123	1,087
LNX2	-,066	-,017	-,299	,765	1,115
LNX3	,432	,474	8,165	,000	1,233
LNX4	-,150	-,103	-1,713	,090	1,323
LNX5	,004	,003	,053	,958	1,056
LNX6	,075	,189	3,466	,001	1,086
LNX7	-,869	-,603	-10,559	,000	1,194
LNX8	,149	,151	2,782	,006	1,082

Biến phụ thuộc: LNY - Thu nhập hỗn hợp trên 1 ha lúa Bắc thơm số 7 của hộ
 $R^2 = 0,696$ R^2 hiệu chỉnh = 0, 675 Durbin-Watson = 1,970

Kết quả số liệu bảng 05 cho thấy:

- Có 4 biến là LNX3, LNX6, LNX7, LNX8 có giá trị Sig < 0,05 nên có thể kết luận với độ tin cậy 95%, các nhân tố này có ảnh hưởng đáng kể đến thu nhập hỗn hợp của nông hộ trồng lúa Bắc thơm số 7 của nông hộ trên địa bàn.

- Có 4 biến là LNX1, LNX2, LNX4, LNX5 có giá trị Sig > 0,05 nên có thể kết luận với độ tin cậy 95% các biến này không ảnh hưởng đáng kể đến thu nhập hỗn hợp của nông hộ, và những biến này bị loại khỏi mô hình.

Giá trị R^2 hiệu chỉnh (Adjusted R Square) là 0,675 cho thấy 67,5% thay đổi của thu nhập hỗn hợp của các nông hộ trồng lúa Bắc thơm số 7 chịu ảnh hưởng đáng kể từ các nhân tố đưa vào mô hình. Giá trị Sig F Change = 0,000 < 0,05 nên mô hình trên là có ý nghĩa thống kê 95%. Như vậy, mô hình hồi quy được xây dựng là tương đối phù hợp.

Kiểm định các khuyết tật của mô hình cho thấy, mô hình không có hiện tượng đa cộng tuyến vì tất cả các VIF < 10; hệ số Durbin-Watson = 1,970 thỏa mãn điều kiện $1 < d < 3$ nên mô hình không có hiện tượng tự tương quan, đồng thời, không xảy ra hiện tượng

phương sai của sai số thay đổi vì phân bố của phần dư tiệm cận phân bố chuẩn.

Căn cứ giá trị B của các biến trong cột Unstandardized Coefficients, ta có mô hình như sau:

$$\text{LnY} = 0,432 \cdot \text{LnX3} + 0,075 \cdot \text{LnX6} - 0,869 \cdot \text{LnX7} + 0,149 \cdot \text{LnX8} + 28,833$$

Các hệ số trên cho biết:

- Khi tăng diện tích canh tác lúa bắc thơm số 7 của hộ (X3) lên 1% (trong trường hợp các nhân tố khác không đổi) thì thu nhập hỗn hợp sẽ tăng thêm 0,432% và ngược lại.

- Khi tăng chi phí phân bón (X6) lên 1% (trong trường hợp các nhân tố khác không đổi) thì thu nhập hỗn hợp sẽ tăng 0,075% và ngược lại.

- Khi tăng chi phí thuốc bảo vệ thực vật (X7) lên 1% (trong trường hợp các nhân tố khác không đổi) thì thu nhập hỗn hợp sẽ giảm 0,869% và ngược lại.

- Khi tăng số công lao động sử dụng (X8) lên 1% (trong trường hợp các nhân tố khác không đổi) thì thu nhập hỗn hợp sẽ tăng 0,149% và ngược lại.

Vị trí quan trọng của các yếu tố ảnh hưởng được tính toán và nêu trên bảng 06.

Bảng 06. Vị trí quan trọng của các yếu tố ảnh hưởng

TT	Biến độc lập		Giá trị tuyệt đối	Tỷ trọng (%)	Thứ tự tầm quan trọng
1	X3	Diện tích canh tác lúa BT số 7 của hộ	0,474	33,45	2
2	X6	Chi phí phân bón/ha	0,189	13,34	3
3	X7	Chi phí thuốc bảo vệ thực vật/ha	0,603	42,55	1
4	X8	Số công lao động sử dụng/ha	0,151	10,66	4
Tổng số			1,417	100	

Vị trí quan trọng cao nhất là chi phí thuốc BVTV (42,55%); tiếp đến là diện tích canh tác lúa BT số 7 của hộ (33,45%); chi phí phân bón/ha (13,34%), Số công lao động sử dụng/ha (10,66%).

3.3. Một số giải pháp nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh lúa Bắc thơm số 7 quy mô hộ gia đình trên địa bàn huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam

Để nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh lúa Bắc thơm số 7 quy mô hộ gia đình, cần áp dụng những giải pháp sau đây:

(1) **Đẩy mạnh việc tích tụ và tập trung đất đai cho sản xuất lúa Bắc thơm số 7.** Tiếp tục thực hiện việc dồn điền, đổi thửa, hình thành các cánh đồng mẫu lớn, đẩy mạnh thực hiện các chính sách về chuyển dịch quyền sử dụng ruộng đất theo hướng tạo các vùng tập trung cho việc mở rộng diện tích canh tác lúa Bắc thơm số 7, tăng diện tích mỗi thửa đất canh tác để nâng cao năng suất, đảm bảo tiết kiệm chi phí sản xuất cho các hộ. Cần có cơ chế thích hợp để tạo điều kiện thích hợp cho quá trình tích tụ, tập trung ruộng đất để phát triển nông nghiệp theo chiều sâu, hướng tới năng suất, chất lượng và hiệu quả.

(2) **Làm tốt công tác khuyến nông** để áp dụng kỹ thuật canh tác phù hợp, tiết kiệm chi phí sản xuất, đặc biệt là chi phí phân bón, thuốc bảo vệ thực vật. Cần đẩy mạnh và nâng cao chất lượng công tác khuyến nông, tăng cường các lớp tập huấn và hướng dẫn bà con

nông dân kỹ thuật canh tác lúa, đồng thời cần tăng cường kiểm tra giám sát thị trường để chống nạn phân bón, thuốc BVTV giả và kém chất lượng trên thị trường. Phát triển hệ thống phân phối vật tư từ nhà sản xuất trực tiếp đến nông dân, giảm các tầng nấc trung gian để đảm bảo chất lượng vật tư và giảm giá mua của nông dân. Xây dựng hệ thống thông tin thị trường vật tư và giám sát chất lượng.

(3) **Đổi mới công tác tổ chức sản xuất lúa Bắc thơm số 7 trên địa bàn.** Đẩy mạnh việc xây dựng các liên kết giữa các hộ nông dân với nhau trong sản xuất lúa Bắc thơm số 7, những liên kết này cần gắn kết các hộ cùng trồng lúa Bắc thơm số 7 trên cùng một cánh đồng theo hướng tạo vùng sản xuất tập trung, quy mô đủ lớn để áp dụng đồng bộ các biện pháp kỹ thuật tiên tiến vào canh tác và tiết kiệm chi phí sản xuất do ưu thế về quy mô sản xuất. Khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi để hình thành các hợp tác xã, các tổ hợp tác của các hộ nông dân để phát huy tính ưu việt của kinh tế hợp tác, tạo điều kiện để các hộ thuận lợi trong tiếp cận các nguồn lực cho sản xuất, hình thành các liên kết khép kín theo chuỗi từ khâu sản xuất đến thị trường tiêu thụ sản phẩm lúa. Khuyến khích và có chính sách thu hút các doanh nghiệp tạo các liên kết với các hộ nông dân theo hướng doanh nghiệp cung cấp các yếu tố đầu vào và đảm nhiệm khâu tiêu thụ sản phẩm để nông dân yên tâm tập trung vào sản xuất, nâng cao chất lượng, hiệu quả trong sản xuất lúa.

(4) Tăng cường liên kết “bốn nhà” trong sản xuất kinh doanh lúa Bắc thơm số 7.

Nhà nước cần có những chủ trương, chính sách mở rộng canh tác trên diện tích lớn để sản xuất tập trung như mô hình “cánh đồng mẫu lớn”, hạn chế được chi phí di chuyển, công chăm sóc. Tổ chức hoạt động khuyến nông, tập huấn cho nông dân phương pháp sản xuất mới, cách thức sử dụng phân bón, thuốc bảo vệ thực vật đảm bảo hiệu quả sản xuất gắn liền với bảo vệ môi trường.

Đối với nhà khoa học cần nghiên cứu và chuyển giao những giải pháp canh tác tiên tiến, nâng cao năng suất, chất lượng, tiết kiệm chi phí sản xuất.

Đối với doanh nghiệp cần phát triển thị trường tiêu thụ đảm bảo đầu ra ổn định cho nông dân, tổ chức đầu tư ứng trước vật tư nông nghiệp và ký kết hợp đồng tiêu thụ sản phẩm cho nông dân.

Đối với người nông dân cần chủ động sử dụng hợp lý hơn các yếu tố đầu vào để đạt hiệu quả cao hơn ở đầu ra nhất là thu được lợi nhuận cao hơn. Bên cạnh đó, việc hợp tác giữa các hộ nông dân cũng tạo điều kiện thông thoáng, dễ dàng hơn cho đầu ra của sản phẩm lúa.

(5) Hoàn thiện công tác tổ chức tiêu thụ sản phẩm lúa Bắc thơm số 7.

Cần tăng cường năng lực nghiên cứu dự báo và cung cấp thông tin thị trường để các tác nhân trong ngành lúa gạo chủ động ra quyết định sản xuất kinh doanh. Xây dựng hệ thống thông tin kết nối các tổ chức liên quan, tạo điều kiện để hộ sản xuất kinh doanh nắm bắt thông tin giá cả và cung cầu thị trường về sản phẩm lúa gạo, tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm, dự báo trung và dài hạn về thị trường, giá cả, các chính sách có liên quan.

Khuyến khích đẩy mạnh việc ký hợp đồng bao tiêu sản phẩm với nông dân và các hợp tác

xã nông nghiệp; thông qua việc ký kết hợp đồng này, các doanh nghiệp có thể ứng vốn trước một phần hoặc cung cấp lúa giống, phân bón, thuốc trừ sâu cho nông dân để họ có điều kiện thâm canh sản xuất lúa, từ đó năng suất và chất lượng lúa sẽ được nâng lên, hiệu quả sản xuất kinh doanh được nâng cao, doanh nghiệp sẽ phát triển một cách bền vững hơn.

Đẩy mạnh xúc tiến thương mại, duy trì phát triển các thị trường truyền thống, đồng thời mở rộng các thị trường xuất khẩu gạo Bắc thơm số 7 ra thị trường nước ngoài.

IV. KẾT LUẬN

Thực tiễn sản xuất lúa gạo nói riêng và sản xuất nông nghiệp nói chung đang đặt ra yêu cầu tất yếu khách quan là phải đáp ứng yêu cầu thị trường trên cơ sở nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.

Tại huyện Lý Nhân, giống lúa Bắc thơm số 7 đã có chỗ đứng khá ổn định trong cơ cấu cây trồng của địa phương nhờ khả năng chống chịu sâu bệnh hại, phù hợp với điều kiện đồng ruộng và đang đem lại hiệu quả kinh tế khá cao cho nông dân.

Nghiên cứu cho thấy có nhiều nhân tố ảnh hưởng tới hiệu quả sản xuất kinh doanh lúa bắc thơm quy mô nông hộ tại địa phương, trong đó rõ nhất là các yếu tố: (i) Diện tích canh tác lúa BT số 7; (ii) Chi phí phân bón; (iii) Chi phí thuốc bảo vệ thực vật; (iv) Số công lao động sử dụng.

Để nâng cao hiệu quả sản xuất lúa Bắc thơm số 7 quy mô nông hộ tại địa phương, cần áp dụng nhiều giải pháp đồng bộ, trong đó cần đặc biệt chú trọng các giải pháp: (i) Đẩy mạnh việc tích tụ và tập trung đất đai cho sản xuất lúa bắc thơm số 7; (ii) Làm tốt công tác khuyến nông để áp dụng kỹ thuật canh tác phù hợp, tiết kiệm chi phí sản xuất, đặc biệt là chi phí phân bón, thuốc bảo vệ thực vật; (iii) Đổi mới công tác tổ chức sản xuất lúa Bắc thơm số

7 trên địa bàn; (iv) Tăng cường liên kết “bốn nhà” trong sản xuất kinh doanh lúa và (v) Hoàn thiện công tác tổ chức tiêu thụ sản phẩm lúa Bắc thom số 7.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ NN&PTNT (2015). Đề án tái cơ cấu ngành lúa gạo Việt Nam đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030, Hà Nội.

2. Chi cục Thống kê huyện Lý Nhân (2017). Báo cáo Thống kê kinh tế - xã hội huyện Lý Nhân, Hà Nam.

3. Đinh Phi Hồ (2012). Phương pháp nghiên cứu định lượng và những nghiên cứu thực tiễn trong kinh tế phát triển nông nghiệp. NXB. Phương Đông, TP. Hồ Chí Minh.

4. Phòng Nông nghiệp huyện Lý Nhân (2017). Báo cáo tình hình sản xuất nông nghiệp các năm 2014, 2015, 2016. Lý Nhân, Hà Nam.

SOLUTIONS TO IMPROVE THE EFFICIENCY OF PRODUCTION OF RICE BACTHOM No.7 HOUSEHOLD SIZE IN LY NHAN DISTRICT - HA NAM PROVINCE

Nguyen Thi Nguyet

Ly Nhan district, Ha Nam province

SUMMARY

This study is based on the survey, interviewing 120 households in Ly Nhan district, Ha Nam province. The results of the study show that the cultivation rice Bac thom No.7 brought high income for farmers, the analysis results on the Coob-Douglas regression models show that there are 4 factors affecting the efficiency of production export business of rice Bac thom No.7 in household size including: (i) Cultivation area of the household; (ii) Fertilizer costs; (iii) Costs of pesticides and (iv) Labor used in rice cultivation. Based on the results of the analytical run, the research has proposed the main solutions to contribute to improving the efficiency of production and business of rice Bac thom No.7 household size in the study area.

Keywords: Bacthom rice No.7, business efficiency, Ly Nhan district.

Ngày nhận bài : 15/01/2018

Ngày phản biện : 05/02/2018

Ngày quyết định đăng : 12/02/2018